**KHỐI 9 - TUẦN 4**

**TOÁN**

**CĂN BẬC BA**

**1) Khái niệm căn bậc ba.**

**\* Định nghĩa:**

**Căn bậc ba của một số a là một số x sao cho: x3 = a**

Ví dụ: 2 là căn bậc ba của 8 vì 23 = 8

(-2) là căn bậc ba của 8 vì (-2)3 = -8

3 là căn bậc ba của 27 vì 33 = 27

(-3) là căn bậc ba của 8 vì (-3)3 = -27

\* Kết luận: Mỗi số a đều có duy nhất một căn bậc ba.

\* **Kí hiệu**:

Căn bậc ba của số a kí hiệu: ****. Số 3 là chỉ số của căn. Phép tìm căn bậc ba của một số gọi là phép khai căn bậc ba.

\* **Chú ý**: 

?1. Giải.

a) 

b) 

c) 

d) 

\* Nhận xét:

Căn bậc ba của số dương là số dương

Căn bậc ba của số âm là số âm

Căn bậc ba của số 0 là chính số 0

**2. Tính chất.**

a) a < b  

b) 

c) Với b0 ta có: 

Ví dụ 2: Giải.

Ta có: 2 =  ( vì 8 > 7).

nên 2 > 

Ví dụ 3: Giải.





?2. Cách 1:





Cách 2:





Bài 67/SGK







**BÀI TẬP ÔN CHƯƠNG 1 ĐẠI SỐ 9**

**ĐỀ 1**

**Câu 1: (0,5 đ)** Tìm x để  có nghĩa?

**Câu 2: (0,5 đ)** Rút gọn 

**Câu 3: (2,0 đ)** Tính

a)  b)  c)  d) 

**Câu 4: (1,0 đ)** Trục căn thức ở mẫu

a)  b) 

**Câu 5: (3,0 đ)** Rút gọn các biểu thức: (không được dùng máy tính bỏ túi)

a)  b) 

c)  d) 

**Câu 6: (1,5 đ)** Tìm x : 

**Câu 7: (1,5 điểm)** Cho biểu thức:  (với)

a) Rút gọn biểu thức A. b) Tính giá trị của A khi x = .

**ĐỀ 2**

**Câu 1: (0,5 đ)** Tìm x để  có nghĩa?

**Câu 2: (0,5 đ)** Rút gọn 

**Câu 3: (2,0 đ)** Tính

a)  b)  c)  d) 

**Câu 4: (1,0 đ)** Trục căn thức ở mẫu

a)  b) 

**Câu 5: (3,0 đ)** Rút gọn các biểu thức: (không được dùng máy tính bỏ túi)

a)  b) 

c)  d) 

**Câu 6: (1,5 đ)** Tìm x : 

**Câu 7: (1,5 điểm)** Cho biểu thức:  (với )

a) Rút gọn biểu thức A. b) Tính giá trị của A khi x =

**BÀI TẬP ÔN CHƯƠNG 1 HÌNH HỌC 9**

**Bài 1:**

|  |  |
| --- | --- |
| a) Tìm x trên hình vẽ sau | b) Cho , AC= 5cm. Tính AB |
| c) Tìm x, y trên hình vẽ |  |

**Bài 2** : Tính : 

**Bài 3** : Cho tam giác ABC vuông tại A, đường cao AH, AB = 3cm, BC = 6cm.

1/ Giải tam giác vuông ABC

2/ Gọi E, F lần lượt là hình chiếu của H trên cạnh AB và AC:

a/ Tính độ dài AH

b/ Chứng minh: EF = AH.

**Bài 4**: Cho góc nhọn α

a) Chứng minh rằng  

b)   Cho . Tính 

**Bài 5:** Cho sin = 0,6. Hãy tính tan

**VẬT LÝ**

BÀI 7 : SỰ PHỤ THUỘC CỦA ĐIỆN TRỞ VÀO CHIỀU DÀI DÂY DẪN

# A.TÓM TẮT LÝ THUYẾT

1. Để xác định sự phụ thuộc của điện trở dây dẫn vào một số yếu tố x nào đó (ví dụ như chiều dài dây dẫn) thì cần phải đo điện trở của các dây dẫn có yếu tố x khác nhau nhưng có tất cả các yếu tố khác như nhau.
2. Điện trở của các dây dẫn có cùng tiết diện và được làm từ cùng một loại vật liệu thì tỉ lệ thuận với chiều dài của mỗi dây

Description: Vật Lí lớp 9 | Tổng hợp Lý thuyết - Bài tập Vật Lý 9 có đáp án**B. BÀI TẬP**

# BÀI TẬP MẪU

**Câu 1:**

Một dây dẫn dài l và có điện trở R. Nếu cho rằng dây dẫn cùng loại dó dài 2l là gồm hai dây dẫn dài l được mắc nối tiếp với nhau thì hãy dự đoán xem dây dẫn này có điện trở là bao nhiêu. Tương tự như thế thì một dây dẫn xùng loại nó dài 3l sẽ có điện trở là bao nhiêu?

*Gợi ý:*

Dây dẫn dài l có điện trở R thì dây dẫn cùng loại đó dài 2l có điện trở là 2R.

Tương tự như thế thì một dây dẫn cùng loại đó dài 3l sẽ có điện trở là 3R.

**Câu 2:** Mắc một bóng đèn vào hiệu điện thế không đổi bằng dây dẫn ngắn thì đèn sáng bình thường, nhưng nếu thay bằng dây dẫn khá dài có

cùng tiết diện và được làm từ cùng một loại vật liệu thì đèn sáng yếu hơn. Hãy giải thích tại sao?Mắc một bóng đèn vào hiệu điện thế không đổi bằng dây dẫn ngắn thì đèn sáng bình thường, nhưng nếu thay bằng dây dẫn khá dài có cùng tiết diện và được làm từ cùng một loại vật liệu thì đèn sáng yếu hơn. Hãy giải thích tại sao?

*Gợi ý:*

Mắc một bóng đèn vào hiệu điện thế không đổi bằng dây dẫn ngắn thì đèn sáng bình thường, nhưng nếu thay bằng dây dẫn khá dài có cùng tiết diện và được làm từ cùng một loại vật liệu thì đèn sáng yếu hơn. Vì dây dẫn khá dài ấy có điện trở lớn hơn dây ngắn, dây dẫn càng dài thì điện trở càng lớn.

**Câu 3:** Khi đặt một hiệu điện thế 6V vào hai đầu 1 cuộn dây dẫn thì dòng điện qua nó có cường độ 0,3 A. Tính chiều dài của dây dẫn dùng để quấn cuộn dây này, biết rằng dây dẫn loại này nếu dài 4 m thì có điện trở là 2 Ω.

*Gợi ý:*

Cuộn dây dẫn có điện trở là: R=UI=60.3=20Ω

Dây dẫn loại này nếu dài 4 m thì có điện trở là 2 Ω, thì điện trở là 20 Ω nó sẽ có chiều dài là

I=20.24=10m

**Câu 4:** Hai đoạn dây dẫn có cùng tiết diện và được làm từ cùng một loại vật liệu, có chiều dài là l1 và l2. Lần lượt đặt cùng một hiệu điện thế vào hai đầu của mỗi đoạn dây này thì dòng điện chạy qua chúng có cường độ tương ứng là I1 và I2. Biết I1 = 0,25I2, hỏi l1 dài gấp bao nhiêu lần l2?

*Gợi ý*

Vì I1 = 0,25 I2, nên ta có R2 = 0,25R1, tức là 4R2 = R1. Vậy l1 = 4l2;

tức là l1 dài hơn l2 4 lần.

# BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM

**Bài 4 trang 19 sách bài tập Vật Lí 9:** Một dây đồng dài l1 = 10m có điện trở

R1 và một dây dẫn bằng nhôm dài l2 = 5m có điện trở R2. Câu trả lời nào dưới đây là đúng khi so sánh R1 với R2?

1. R1 = R2
2. R1 < 2R2
3. R1 > 2R2
4. không đủ điều kiện để so sánh R1 và R2

**Bài 5 trang 19 sách bài tập Vật Lí 9:** Điện trở của dây dẫn không phụ thuộc vào yếu tố nào dưới đây?

1. Vật liệu làm dây dẫn
2. Khối lượng của dây dẫn
3. Chiều dài dây dẫn
4. Tiết diện của dây dẫn

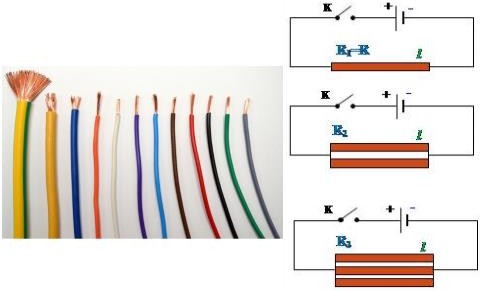
**Bài 6 trang 20 sách bài tập Vật Lí 9:** Để tìm hiểu sự phụ thuộc của điện trở dây dẫn vào chiều dài dây dẫn, cần phải xác định và so sánh điện trở các dây dẫn có những đặc điểm nào ?

1. Các dây dẫn này phải có cùng tiết diện, được làm từ cùng một vật liệu, nhưng có chiều dài khác nhau.
2. Các dây dẫn phải có cùng chiều dài, được làm từ cùng một vật liệu, nhưng có tiết diện khác nhau.
3. Các dây dẫn phải có cùng chiều dài, cùng tiết diện, nhưng được làm bằng các vật liệu khác nhau
4. Các dây dẫn này phải được làm từ cùng một vật liệu, nhưng có chiều dài và tiết diện khác nhau.

# BÀI TẬP TỰ LUẬN. Các bài 7.7; 7.8; 7.9; 7.10 SBT vật lý 9 trang 20

**BÀI 8 : SỰ PHỤ THUỘC CỦA ĐIỆN TRỞ VÀO TIẾT DIỆN DÂY DẪN**

# A.TÓM TẮT LÝ THUYẾT

Để xác định điện trở của dây dẫn phụ thuộc vào chiều dài dây thì thay đổi tiết diện của dây dẫn, còn chiều dài dây và vật liệu làm dây dẫn phải như nhau (giữ nguyên).

⇒ Kết quả: Điện trở của các dây dẫn có cùng chiều dài và được làm từ cùng một loại vật liệu ***tỉ lệ nghịch*** với tiết diện của mỗi dây.

Description: Vật Lí lớp 9 | Tổng hợp Lý thuyết - Bài tập Vật Lý 9 có đáp án

\***Chú ý:**

Description: Vật Lí lớp 9 | Tổng hợp Lý thuyết - Bài tập Vật Lý 9 có đáp án+ Tiết diện là hình tròn được tính bằng công thức :

Trong đó: r : là bán kính

d : là đường kính

+ Khối lượng của dây dẫn có tiết diện đều được tính bằng công thức: m = D.S. (D là khối lượng riêng của vật liệu làm dây dẫn).

## BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM

**Bài 8.1 trang 21 sách bài tập Vật Lí 9:** Hai đoạn dây bằng đồng, cùng chiều dài, có tiết diện và điện trở tương ứng là S1 , R1 và S2 , R2. Hệ thức nào dưới đây là đúng?

A. S1R1 = S2R2

B. S1/R1 = S2/R2

C. R1R2 = S1S2

D. Cả ba hệ thức trên đều sai

**Bài 8.2 trang 21 sách bài tập Vật Lí 9:** Hai dây dẫn bằng nhôm có chiều dài, tiết diện và điện trở tương ứng là l1, S1 , R1 và l2 , S2 , R2. Biết l1 = 4l2 và S1 = 2S2. Lập luận nào sau đây về mối quan hệ giữa các điện trở R1 và R2 của hai dây dẫn này là đúng?

1. Chiều dài lớn gấp 4, tiết diện lớn gấp 2 thì điện trở lớn gấp 4.2 = 8 lần, vậy R1 = 8R2
2. Chiều dài lớn gấp 4 thì tiết diện nhỏ hơn 4 lần, tiết diện lớn gấp 2 lần thì điện trở lớn gấp 2 lần, vậy R1 = R2/2
3. Chiều dài lớn gấp 4 thì tiết diện lớn gấp 4 lần, tiết diện lớn gấp 2 lần thì điện trở nhỏ hơn 2 lần, vậy R1 = 2R2
4. Chiều dài lớn gấp 4, tiết diện lớn gấp 2 thì điện trở nhỏ hơn 4.2 = 8 lần, vậy R1 = R2/8

**Bài 8.6 trang 22 sách bài tập Vật Lí 9:** Để tìm hiểu sự phụ thuộc của điện trở dây dẫn vào tiết diện dây dẫn, cần phải xác định và so sánh điện trở của các dây dẫn có những đặc điểm nào?

1. Các dây dẫn phải có cùng chiều dài, được làm từ cùng nột vật liệu, nhưng có chiều dài khác nhau.
2. Các dây dẫn này phải có cùng chiều dài, được làm từ cùng một vật liệu, nhưng có tiết diện khác nhau
3. Các dây dẫn này phải có cùng chiều dài, cùng tiết diện, nhưng được làm bằng các vật liệu khác nhau
4. Các dây dẫn này phải được làm cùng một vật liệu, nhưng có chiều dài và tiết diện khác nhau

**Bài 8.7 trang 22 sách bài tập Vật Lí 9:** Một dây dẫn đồng chất có chiều dài *l*, tiết diện đều S có điện trở là 8Ω được gập đôi thành một dây dẫn mới có chiều dài *l*/2

. Điện trở của dây dẫn mới này là bao nhiêu.

1. 4Ω
2. 6Ω
3. 8Ω
4. 2Ω

**Bài 8.8 trang 22 sách bài tập Vật Lí 9:** Hai dây dẫn được làm từ cùng một vật liệu, dây thứ nhất dài hơn dây thứ hai 8 lần và có tiết diện lớn gấp 2 lần so với dây thứ hai. Hỏi dây thứ nhất có điện trở lớn gấp mấy lần dây thứ 2.

1. 8 lần
2. 10 lần
3. 4 lần
4. 16 lần

**Bài 8.9 trang 22 sách bài tập Vật Lí 9:** Một dây đồng dài 100m, có tiết diện 1 mm2 thì có điện trở là 1,7Ω. Một dây đồng khác có chiều dài 200m, có điện trở 17Ω thì có tiết diện là bao nhiêu?

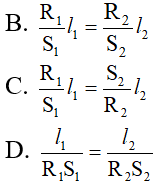
1. 5mm2
2. 0,2mm2

C. 0,05mm2

D. 20mm2

**Bài 8.10 trang 23 sách bài tập Vật Lí 9:** Hai dây dẫn được làm từ cùng một loại vật liệu, có điện trở, chiều dài và tiết diện tương ứng là R1 , l1, S1 và R2, l2, S2. Hệ thức nào dưới đây là đúng?

A. R1.l1.S1 = R2.l2.S2



# BÀI TẬP TỰ LUẬN. Các bài 8.3; 8.12; 8.13; SBT vật lý 9 trang 23

|  |  |
| --- | --- |
| **Các kì** | **Những biến đổi cơ bản của NST** |
| Kì đầu | - NST kép bắt đầu đóng xoắn và co ngắn nên có hình thái rõ rệt.  - Các NST đính vào các sợi tơ của thoi phân bào ở tâm động. |
| Kì giữa | - Các NST kép đóng xoắn cực đại.  - Các NST kép xếp thành hàng ở mặt phẳng xích đạo của thoi phân bào. |
| Kì sau | - Từng NST kép chẻ dọc ở tâm động thành 2 NST đơn phân li đồng đều về 2 cực của tế bào. |
| Kì cuối | - Các NST đơn dãn xoắn dài ra, ở dạng sợi mảnh. |

**SINH**

**BÀI 9: NGUYÊN PHÂN**

**1. Diễn biến của NST trong nguyên phân**

**- Kết quả của nguyên phân**: Từ một tế bào mẹ (2n) qua nguyên phân tạo ra 2 tế bào con có bộ NST giống như tế bào mẹ.

**2**. **Ý nghĩa của nguyên phân**

- Nguyên phân là phương thức sinh sản của tế bào; giúp cơ thể lớn lên.

- Nguyên phân duy trì ổn định bộ NST đặc trưng của loài qua các thế hệ tế bào của cùng 1 cơ thể và qua các thế hệ cơ thể ở loài sinh sản vô tính.

**BÀI 10: GIẢM PHÂN**

**1. Diễn biến của NST trong giảm phân**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Các kì | **Những biến đổi cơ bản của NST ở các kì** | |
| Lần phân bào I | Lần phân bào II |
| Kì đầu | *- Các NST kép xoắn, co ngắn.*  *- Các NST kép trong cặp tương đồng tiếp hợp theo chiều dọc và có thể bắt chéo nhau, sau đó lại tách dời nhau.* | *- NST co lại cho thấy số lượng NST kép trong bộ đơn bội.* |
| Kì giữa | *- Các cặp NST kép tương đồng tập trung và xếp song song thành 2 hàng ở mặt phẳng xích đạo của thoi phân bào.* | *- NST kép xếp thành 1 hàng ở mặt phẳng xích đạo của thoi phân bào.* |
| Kì sau | *- Các NST kép trong cặp NST tương đồng phân li độc lập về 2 cực tế bào.* | *- Từng NST kép tách ở tâm động thành 2 NST đơn phân li về 2 cực của tế bào.* |
| Kì cuối | *- Các NST kép nằm gọn trong 2 nhân mới được tạo thành với số lượng là bộ đơn bội (kép) n NST kép.* | *- Các NST đơn nằm gọn trong 4 nhân mới được tạo thành với số lượng là đơn bội (n NST).* |

**- Kết quả giảm phân**: Từ 1 tế bào mẹ 2n qua giảm phân tạo ra 4 tế bào con có bộ NST đơn bội (n).

**3. Ý nghĩa**: quá trình phân bào giảm phân có ý nghĩa đối với cơ thể sinh vật là cơ sở để hình thành giao tử (n)

**NGỮ VĂN**

**TRUYỆN KIỀU CỦA NGUYỄN DU**

**I. Giới thiệu chung:**

1. Tác giả:

- Cuộc đời Nguyễn Du:

+ Chịu ảnh hưởng của truyền thống gia đình đại quí tộc.

+ Chứng kiến những biến động dữ dội nhất trong lịch sử phong kiến Việt Nam. Nguyễn Du hiểu sâu sắc nhiều vấn đề của đời sống xã hội.

+ Những thăng trầm trong cuộc sống riêng tư làm cho tâm hồn Nguyễn Du tràn đầy cảm thông, yêu thương con người.

- Sự nghiệp:

+ Các tác phẩm được viết bằng chữ Hán và chữ Nôm

+ Đóng góp to lớn cho kho tàng văn học dân tộc, nhất là ở thể loại truyện thơ.

-> Thiên tài văn học cả chữ Hán & chữ Nôm.

2. Tác phẩm Truyện Kiều:

2.1. Nguồn gốc:

+ Cốt truyện: Kim Vân Kiều Truyện của Thanh Tâm Tài Nhân.

+ Truyện Kiều có tên là Đoạn Trường Tân Thanh.

+ Viết bằng chữ Nôm, thể thơ lục bát (6-8), gồm 3254 câu.

2.2. Tóm tắt tác phẩm:3 phần.

a. Gặp gỡ và đính ước

b.Gia biến và lưu lạc.

c. Đoàn tụ.

2.3. Giá trị nội dung và nghệ thuật:

a. Giá trị nội dung:

\* Giá trị hiện thực:

+ Tr.Kiều đã lên án các thế lực tàn bạo chà đạp lên quyền sống của con người.

+ Truyện Kiều là bức tranh tố cáo xã hội phong kiến bất công, chà đạp lên quyền sống, phẩm hạnh con người, đặc biệt là người phụ nữ: đó là bọn quan lại, sai nha, bọn buôn thịt bán người, lên án thế lực đồng tiền.

+ Số phận bất hạnh của người phụ nữ tài hoa, bạc mệnh trong xã hội phong kiến.

\* Giá trị nhân đạo:

+ Lên án chế độ phong kiến vụ nhân đạo.

+ Cảm thông trước số phận con người.

+ Khẳng định, đề cao tài năng, nhân phẩm và ước mơ khát vọng chân chính của con người: tình yêu tự do, khát vọng công lí, phẩm chất tốt đẹp của con người.

b. Giá trị nghệ thuật:

+ Thơ lục bát nhuần nhuyễn sáng tạo.

+ Ngôn ngữ dân tộc trong sáng, mĩ lệ, dạt dào sắc thái biểu cảm.

+ Tả cảnh ngụ tình.

+ Sử dụng thành ngữ, tục ngữ.

+ Xây dựng nhân vật bất hủ.

* GHI NHỚ SGK

**VĂN BẢN CHỊ EM THÚY KIỀU**

**I. Giới thiệu chung:**

\*.Vị trí đoạn trích:

+ Nằm ở phần thứ nhất của Truyện Kiều (từ câu -> câu )

**II. Đọc hiểu văn bản:**

1. Đọc- Chú thích:

2. Bố cục:

+ 4 phần

3. Phân tích:

a. Giới thiệu chung về hai chị em Thuý Kiều:

+ Giới thiệu thứ bậc bằng phương pháp đảo ngữ: Chị là Thuý Kiều và em là Thuý Vân

+ Lấy vẻ đẹp của thiên nhiên để miêu tả vẻ đẹp của con người(bút pháp ước lệ)

Cốt cách giống như cây mai( ẩn dụ) và tâm hồn trong trắng như tuyết ( ẩn dụ)=>vóc dáng thanh tao, mảnh dẻ, duyên dáng, tâm hồn trong sáng

-> Bút pháp ước lệ, tượng trưng, sử dụng thành ngữ,

=> Vẻ đẹp duyên dáng, thanh cao, trong trắng của người thiếu nữ đạt tới độ hoàn mĩ “mười phân vẹn mười”

b Vẻ đẹp của Thuý Vân:

+ Quý phái, cao sang.

- Chân dung được miêu tả cụ thể:

+ Khuôn mặt: xinh đẹp, đầy đặn, tươi sáng như vầng trăng tròn, phúc hậu.

+ Nét ngài: nở nang

+ Miệng tươi như hoa

+ Tiếng nói: nhẹ nhàng đằm thắm

+ Tóc: óng ả, mượt mà, bồng bềnh như làn mây nhẹ trôi khiến mây phải thua

+Làn da: mịn màng, trắng sáng đầy sức sống khiến tuyết phải nhường

-> Nghệ thuật: Liệt kê, so sánh, ẩn dụ, ước lệ tượng trưng

- Lấy báu vật của thiên nhiên: trăng, hoa, mây, tuyết, ngọc để làm nổi bật vẻ đẹp tuyệt mĩ của Thuý Vân

->Vẻ đẹp phúc hậu, đoan trang, nhân từ, hoà hợp với thiên nhiên-> số phận, cuộc đời nàng sẽ bình lặng, suôn sẻ, hạnh phúc.

b Vẻ đẹp, tài năng của Thuý Kiều:

\* Vẻ đẹp Thuý Kiều:

+ Vẻ đẹp đằm thắm cả về trí tuệ và tâm hồn

+ Đặc tả đôi mắt:Làn thu thuỷ, nét xuân sơn

+ Hoa ghen, liễu hờn

+Nghiêngnước,nghiêng thành

-> Bút pháp ư­ớc lệ, tượng trưng, nhân hoá, dùng thành ngữ, điển tích, điển cố, ngôn ngữ miêu tả tài tình.

-> Vẻ đẹp trẻ trung, tư­ơi tắn, lộng lẫy, kiêu sa khiến thiên nhiên phải hờn, ghen, đố kị

=> Vẻ đẹp đạt đến độ hoàn mỹ: một tuyệt thế giai nhân.

\* Tài năng:

+ Tài: Cầm, kì, thi, hoạ (đàn chơi cờ, thơ, vẽ )- >đạt tới mức lí t­ưởng theo quan niệm phong kiến.

-> Vẻ đẹp của sự kết hợp: Sắc – Tài – Tình. Tạo hoá phải ghét ghen, đố kị

=> Dự cảm về cuộc đời, số phận éo le, trắc trở, bể dâu.

-> Sử dụng nghệ thuật đòn bẩy, làm nổi bật vẻ đẹp của Thuý Kiều

d. Nếp sống hàng ngày của hai chị em:

+ Phong lưu, quí phái, êm đềm, đoan chính, gia phong

-> nếp sống khuôn phép, gia giáo, đức hạnh.

4. Tổng kết:

a Nội dung - ý nghĩa

\* ND: Ca ngợi vẻ đẹp hoàn hảo của 2 chị em Thuý Kiều & dự báo cuộc đời, số phận của 2 chị em.

\* Ý nghĩa của văn bản:

+ "Chị em Thuý Kiều" thể hiện tài năng nghệ thuật & cản hứng nhân văn ca ngợi vẻ đẹp & tài năng con người của tác giả Nguyễn Du.

b. Nghệ thuật:

+ Sử dụng những hình ảnh tượng trưng, ước lệ.

+ Lựa chọn và sử dụng ngôn ngữ miêu tả tài tình.

+ Thủ pháp đòn bẩy.

c. Ghi nhớ: ( SGK-83)

**KIỀU Ở LẦU NGƯNG BÍCH**

**I. Giới thiệu chung:**

+ Vị trí đoạn trích: nằm ở phần thứ hai của tác phẩm.

“ Gia biến và lưu lạc”

**II. Đọc hiểu văn bản:**

1. Đọc- Chú thích:

2. Bố cục:

+ 3 phần

+ PTBĐ: Biểu cảm (miêu tả nội tâm nhân vật).

3. Phân tích :

a. Tình cảnh của Kiều ở lầu Ngưng Bích :

- Hoàn cảnh : “Khoá xuân”.

-> cảnh ngộ trớ trêu, bất hạnh của Thuý Kiều ; bị giam lỏng ở lầu Ngưng Bích

Khung cảnh :

+ non xa trăng gần

+ bốn bề bát ngát, mây sớm đèn khuya

+ cát vàng, bụi hồng,

=> Hình ảnh chơi vơi giữa mênh mông trời đất, cảnh bao la, hoang vắng,xa lạ và cách biệt, thiếu bóng dáng, sự sống, không sự giao lưu giữa người với người. Cảnh thực cũng có thể mang tính ước lệ gợi sự mênh mang, rợn ngợp của không gian : tâm trạng cô đơn của Kiều.

\* Từ ngữ chọn lọc cô đọng, xúc tích = 1 vài nét chấm phá dựng lên cả 1 bức tranh thiên nhiên toàn cảnh rộng lớn.

- Tâm trạng :

sớm làm bạn với mây, khuya làm bạn với đèn, thui thủi một mình.

->cô đơn, buồn tủi ( gợi thời gian tuần hoàn khép kín của một ngày)

"nửa tỉnh..... tấm lòng"

->Kiều chỉ thui thủi một mình, nàng rơi vào hoàn cảnh cô đơn tuyệt đối, nàng đau đớn, xót xa như thấy rằng mình bị chia cắt.

=> cảnh đối xứng từng cặp gợi sự bao la, hoang vắng, xa lạ và cách biệt.

+ Nghệ thuật "tả cảnh ngụ tình" thể hiện nỗi cô đơn, hờn tủi, xót xa, đau đớn của Kiều khi bị giam lỏng ở lầu Ngưng Bích

-> tình cảnh đáng thương, tội nghiệp

b. Tâm trạng nhân vật Thuý Kiều khi ở lầu Ngưng Bích:

\* Nhớ người yêu:

+ Nhớ cảnh thề nguyền, hẹn ước

+ Hình dung cảnh Kim Trọng ngày đêm mong đợi, cũng đang hướng về mình

- Bên trời góc biển bơ vơ

Tấm son gột rửa bao giờ cho phai”

Có 2 cách hiểu:

+ Lòng chung thuỷ, son sắt nỗi nhớ Kim Trọng không bao giờ phai nhạt dù thời gian, hoàn cảnh thay đổi.

+ Tấm lòng son của Kiều đó bị hoen ố biết bao giờ gột rửa được .

+ Lời ít, ý nhiều, từ ngữ chọn lọc, giàu sắc thái biểu cảm, phù hợp tâm trạng nhân vật.

=> Kiều là người con gái thuỷ chung, son sắt, nặng ân tình.

=> Đau đớn, xót xa nhớ về Kim Trọng.

**III. Tổng kết:**

**1.Nội dung:**

- Tâm trạng Kiều ở lầu Ngưng Bích: Đau đớn xót xa nhớ về Kim Trọng; day dứt, nhớ thương gia đình.

- Hai bức tranh thiên nhiên trước lầu Ngưng Bích trong cảm nhận của Thuý Kiều.

**2. Nghệ thuật:**

- Nghệ thuật miêu tả nội tâm nhân vật: diễn biến tâm trạng được thể hiện qua ngôn ngữ độc thoại và tả cảnh ngụ tình đặc sắc.

- Lựa chọn từ ngữ, sử dụng các biện pháp tu từ.

\* **Ghi nhớ/** SGK/ 96.

**TIẾNG ANH**

**UNIT 2: CITY LIFE**

**A. TỪ VỰNG:**

1. fabulous (adj) /ˈfæbjələs/: tuyệt vời, tuyệt diệu

2. reliable (adj) /rɪˈlaɪəbl/: đáng tin cậy

3. metropolitan (adj) /ˌmetrəˈpɒlɪtən/: (thuộc về) đô thị, thu phu

4. multicultural (adj) /ˌmʌltiˈkʌltʃərəl/: đa văn hóa

5. variety (n) /vəˈraɪəti/: sự phong phu, đa dạng

6. grow up (ph.v) /ɡrəʊ ʌp/: lớn lên, trưởng thành

7. packed (adj) /pækt/: chật ních người

8. urban (adj) /ˈɜːbən/: (thuộc) đô thị, thành thị

9. Oceania (n) /ˌəʊsiˈɑːniə/: châu Đại Dương

10. medium-sized (adj) /ˈmiːdiəm-saɪzd/: cỡ vừa, cỡ trung

11. forbidden (adj) /fəˈbɪdn/: bị cấm

12. easy-going (adj) /ˈiːzi-ˈɡəʊɪŋ/: thoải mái, dễ tính

13. downtown (adj) /ˌdaʊnˈtaʊn/: (thuộc) trung tâm thành phố, khu thương mại

14. skyscraper (n) /ˈskaɪskreɪpə/: nhà cao chọc trời

15. stuck (adj) /stʌk/: mắc ket, không di chuyển đươc

16. wander (v) /ˈwɒndə/: đi lang thang

17. affordable (adj) /əˈfɔːdəbl/: (giá cả) phải chăng

18. conduct (v) /kənˈdʌkt/: thực hiện

19. determine (v) /dɪˈtɜːmɪn/: xác định

20. factor (n) /ˈfæktə/: yếu tố

21. conﬂ ict (n) /ˈkɒnﬂ ɪkt/: xung đột

22. indicator (n) /ˈɪndɪkeɪtə/: chỉ số

23. asset (n) /ˈæset/: tài sản

24. urban sprawl /ˈɜːbən sprɔːl/: sự đô thị hóa

25. index (n) /ˈɪndeks/: chỉ số

26. metro (n) /ˈmetrəʊ/: tàu điện ngầm

27. dweller (n) /ˈdwelə/: cư dân

28. negative (adj) /ˈneɡətɪv/: tiêu cực

29. for the time being /fə(r) ðə taɪm ˈbiːɪŋ/: hiện thời, trong lúc này

**B. NGỮ PHÁP:**

**I. COMPARATIVE FORM OF ADJECTIVES AND ADVERBS**

***(SO SÁNH HƠN CỦA TÍNH TỪ, TRẠNG TỪ )***

**1. Comparative adjectives (So sánh hơn của tính từ).**  
Dùng để so sánh giữa hai người hoặc hai vật với nhau.

|  |
| --- |
| **Short Adj: S + be + adj + er + than + Noun/ Pronoun** |

|  |
| --- |
| **Long Adj: S + be + more + adj + than + Noun/ Pronoun** |

Ví dụ:  
        China *is bigger* than India *(Trung Quốc to lớn hơn Ấn Độ)*  
        Gold *is more valuable* than silver. *(Vàng có giá trị hơn bạc)*  
**2. Comparative adverbs (So sánh hơn với trạng từ):**  
 Cấu trúc của câu so sánh hơn

|  |
| --- |
| **Short Adv: S + V + *ADV + er + than* + Noun/ Pronoun** |
| **Long Adv: S + V + *more / less + adv + than* + Noun/ Pronoun** |

Ví dụ:  
       - My friend did the test more carefully than I did = My friend did the test more carefully than me.  
         (*Bạn tôi làm bài kiểm tra cẩn thận hơn tôi.)*

|  |  |
| --- | --- |
| **Trạng từ ngắn (Short adverbs)** | **Trạng từ dài (Long adverbs** |
| - Là trạng từ có một âm tiết  Ví dụ: - hard, fast, near, far, right, wrong, … | - Là trạng từ có 2 âm tiết trở lên.  Ví dụ: - quickly, interestingly, tiredly, … |

\*Trạng từ chỉ thể cách bất qui tắc:     well – better  
Ví dụ:  I believe you will be *better* in the next text.  
\*Tương tự như tính từ, với các trạng từ có hai hoặc nhiều âm tiết, chúng ta thêm **more**hoặc **most**đằng trước trạng từ tương ứng cho so sánh hơn và so sánh nhất.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **So sánh bằng** | **So sánh hơn** | **So sánh nhất** |
| Quickly | more quickly | most quickly |
| Fortunately | more fortunately | most fortunately |

\* Với các trạng từ có một âm tiết, chúng ta thêm **er** hoặc **est** tương ứng với so sánh hơn và so sánh hơn nhất. Nếu trạng từ loại này tận cùng là y, ta biến y thành i rồi sau đó thêm er hoặc est.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **So sánh bằng** | **So sánh hơn** | **So sánh nhất** |
| Hard | harder | hardest |
| Early | earlier | earliest |

\* Một số trường hợp bất qui tắc:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **So sánh bằng** | **So sánh hơn** | **So sánh nhất** |
| Well | better | best |
| Badly | worse | worst |
| little | less | least |
| Much | more | Most |
| Far | farther/ further | farthest/ furthest |

**3. So sánh hơn với tính từ và trạng từ.**

\* **So sánh hơn với tính từ ngắn và trạng từ ngắn:**  
Cấu trúc:        
**S**1**+ tobe/V + Short -adj + er/ S-adv- er + than + S**2 **+ Axiliary V**  
**S**1**+ tobe/ V + Short-adj + er/ S-adv- er + than + O/ N/ Pronoun**  
Ví dụ:  - This book is thicker than that one. *(Cuốn sách này dày hơn cuốn sách kia.)*  
            - They work harder than I do. = They work harder than me. *(Họ làm việc chăm chỉ hơn tôi.)*  
**\* So sánh hơn với tính từ dài và trạng từ dài:**  
Cấu trúc:  
**S**1 **+ tobe/V + more +(long) adj/ adv + than + S2 + Axiliary V**  
**S**1**+tobe/ V + more + (long) adj/ adv + than + O/ N/ Pronoun**  
Ví dụ:  - He is more intelligent than I am. = He is more intelligent than me.*(Anh ấy thông minh hơn tôi.)*  
            - My friend did the test more carefully than I did. = My friend did the test more carefully than me.  
*(Bạn tôi làm bài kiểm tra cẩn thận hơn tôi.)*  
**4. So sánh hơn nhất đối với tính từ và trạng từ.**

* So sánh hơn nhất  đối với tính từ ngắn và trạng từ ngắn:

Cấu trúc:          **S + V + the + Short -adv-est.**  
Ví dụ: - It is the darkest time in my life. *(Đó là khoảng thời gian tăm tối nhất trong cuộc đời tôi.)*  
           - He runs the fastest in my class. *(Anh ấy chạy nhanh nhất lớp tôi.)*

* So sánh hơn nhất đối với tính từ dài và trạng từ dài:

Cấu trúc: **S + tobe/ V + the + most + (long) adj/ adv**  
Ví dụ: - She is the most beautiful girl I’ve ever met.*(Cô ấy là cô gái xinh nhất mà tôi từng gặp.)*  
           - He drives the most carelessly among us.  *(Anh ấy lái xe ẩu nhất trong số chúng tôi.)*  
**CHÚ Ý:**Một số tính từ có 2 âm tiết nhưng có tận cùng là “y, le, ow, er” khi sử dụng ở so sánh hơn hay so sánh hơn nhất nó áp dụng cấu trúc so sánh của tính từ ngắn.  
                      **Tính từ           So sánh hơn              So sánh hơn nhất**  
                        Happy            -> happier                  -> the happiest  
                        Simple            -> simpler                  -> the simplest  
                       Narrow            -> narrower                -> the narrowest  
                        Clever             -> cleverer                 -> the cleverest  
Ví dụ: Now they are happier than they were before. *(Bây giờ họ hạnh phúc hơn trước kia.)*  
Ta thấy “happy” là một tính từ có 2 âm tiết nhưng khi sử dụng so sánh hơn, ta sử dụng cấu trúc so sánh hơn của tính từ ngắn.  
Một số tính từ và trạng từ biến đổi đặc biệt khi sử dụng so sánh hơn và so sánh hơn nhất.  
**Tính từ/ Trạng từ           So sánh hơn                          So sánh hơn nhất**  
            Good/ well                -> better                                 -> the best  
            Bad/ badly                 -> worse                                 -> the worst  
            Much/ many              -> more                                  -> the most  
            a little/ little               -> less                                     -> the least  
            far                              -> farther/ further                   -> the farthest/ furthest

**C. BÀI TẬP VẬN DỤNG:**

**❶. PHONETICS**

**I. Choose the words whose underlined part is pronounced differently from that of the others in each group**

1. A. pressure B. depressed C. expect D. relaxed

2. A. encourage B. empathy C. embarrassed D. remember

3. A. delighted B. continue C. medicine D. situation

4. A. advice B. sympathize C. decide D. responsibility

5. A. collaboration B. particularity C. manage D. activate

6. A. wipe B. alive C. micro D. link

7. A. cleaner B. threat C. ahead D. instead

8. A. breathe B. ethane C. thank D. healthy

9. A. choose B. moon C. food D. look

10. A. burden B. survive C. curtain D. furnish

11. A. camel B. sandy C. travel D. stable

12. A. dune B. hummock C. scrublands D. gun

13. A. basic B. desert C. president D. season

14. A. separate B. network C. letter D. prepare

15. A. stretches B. slopes C. ranges D. faces

16. A. insect B. percent C. wetland D. extinct

17. A. agencies B. medicine C. species D. circle

18. A. crisis B. exist C. primary D. fertile

19. A. serious B. thousand C. found D. around

20. A. chart B. postcard C. leopard D. hardly

21. A. rival B. title C. silver D. surprise

22. A. golden B. compete C. host D. propose

23. A. clear B. dear C. wear D. sear

24. A. wrestling B. level C. medal D. result

25. A. ranked B. gained C. prepared D. proved

26. A. childhood B. champagne C. chapter D. charity

27. A. culture B. popular C. regular D. fabulous

28. A. conflict B. forbidden C. reliable D. determine

29. A. lighthouse B. heritage C. hotel D. hour

30. A. conducts B. returns C. wanders D. wonders

**II. Choose the word whose main stressed syllable is placed differently from that of the other in each group.**

1. A. exhausted B. frightening C. populous D. stressful

2. A. exciting B. rural C. annoying D. forbidden

3. A. fascinating B. ancient C. delicious D. comfortable

4. A. galleries B. neighborhoods C. museum D. cultural

5. A. exhibition B. disappointed C. entertaining D. interesting

6. A. education B. facility C. development D. intelligence

7. A. metropolitan B. organization C. university D. multicultural

8. A. fascinate B. restaurant C. expensive D. difference

9. A. feature B. ancient C. drawback D. conduct

10. A. fabulous B. pagoda C. determine D. convenient

11. A. periodic B. contagious C. electric D. suspicious

12. A. environmental B. conservatively C. approximately D. considerable

13. A. arrangement B. tourism C. opponent D. contractual

14. A. respectable B. affectionate C. kindergarten D. occasional

15. A. particular B. environment C. advertisement D. circumstances

**❷. MULTIPLE CHOICE**

**I. Choose the best answer to complete each of the following sentences**

**1.** Villagers are more kind, friendly and warm-hearted than city .

**A.** dwellers **B**. foreigners **C**. beginners **D**. movers

**2**. You can see the of the suburbs in Ho Chi Minh City with many apartment buildings, supermarkets, shopping centres, and schools.

**A**. urban area **B.** convenience **C**. urban sprawl **D**. living condition

**3.** Dong Khoi Street is the main shopping street in the of downtown in Ho Chi Minh City.

**A**. mind **B**. heart **C**. head  **D**. spot

**4**. It is considered that life in a city is wonderful and .

**A**. funny **B**. boring **C**. enjoyable **D.** helpful

**5**. No city in America has monuments and museums into one area as Washington, DC.

**A**. as much **B**. such many **C**. as many **D**. a few

**6**. My passport last month, so I will have to get a new one.

**A**. elapsed **B**. expired **C**. ended **D**. terminated

**7**. The department is also deeply in various improvement schemes.

**A**. connected **B**. entailed **C.** involved **D**. implied

**8.** His answer was so confused that I could hardly make any of it at all.

**A**. interpretation **B**. meaning **C**. intelligibility **D**. sense

**9**. The main attraction of the job was that it offered the to do the research.

**A**. possibility **B**. proposal **C.** opportunity **D**. prospect

**10**. I wish you’d tell me what I do in this difficult situation.

**A**. shall **B**. would **C**. should **D**. ought

**11**. A competitor may submit any number of entries , each one is accompanied by a packet top.

**A**. supposing **B.** notwithstanding **C**. assuredly **D**. provided

**12**. They always kept on good with their next-door neighbours for the children’s sake.

**A**. friendship **B**. relations **C**. will **D**. terms

**13**. He earns his living by old paintings.

**A**. reviving **B**. restoring **C**. reforming **D**. replenishing

**14**. Hotel rooms must be by noon, but luggage may be left with the porter.

**A**. vacated **B**. evacuated **C**. abandoned **D**. left

**15**. The majority of nurses are women, but in the higher ranks of the medical profession women are in a .

**A**. rarity **B**. minority **C**. scarcity **D**. minimum

**16**. Although he was under no , the shopkeeper replaced the defective battery free of charge.

**A**. urgency **B**. guarantee **C**. obligation **D**. insistence

**17**. Old Mr. Brown’s condition looks very serious and it is doubtful if he will .

**A**. pull through **B**. pull up **C**. pull back **D**. pull out

**18**. To be a good short story writer one needs, among other things, a very imagination.

**A**. vivid **B**. living **C**. bright **D**. sparkling

**19.** This ticket you to a free meal in our new restaurant.

**A**. confers **B**. entitles **C**. grants **D**. credits

**20**. He was completely by the thief’s disguise.

**A**. taken away **B**. taken down **C**. taken in **D**. taken through

**21**. This book gives a brief of the history of the castle and details of the art collection in the main hall.

**A**. outline **B**. reference **C**. article **D**. research

**22**. Mark is very set in his ways, but John has a more attitude to life.

**A**. changeable **B**. flexible **C**. moveable **D**. fluid

**23**. I’m not serious investor, but I like to in the stock market.

**A**. splash **B**. splatter **C**. paddle **D**. dabble

**24**. In all , there will never be a Third World War.

**A**. odds **B**. probability **C**. certainty **D**. possibilities

**25**. He had to retire from the match, suffering from a ligament.

**A**. tom **B**. broken **C.** slipped **D**. sprained

**26**. You have to be rich to send a child to a private school because the fees are .

**A**. astrological **B**. aeronautical **C**. astronomical **D**. atmospherical

**27**. Archaeology is one of the most interesting scientific .

**A**. divisions **B**. disciplines **C**. matters **D**. compartments

**28**. It is doubtful whether the momentum of the peace movement can be .

**A**. sustained **B**. supplied **C.** supported **D.** subverted

**29**. Conversations you strike up with travelling acquaintances usually tend to be .

**A**. imperative **B.** perverse **C**. insufficient **D**. trivial

**30**. Charles Babbage’s difference engine widely regarded as the of the computer.

**A**. ancestor **B.** precursor **C**. antecedent **D**. premonition

**31.** As she did so, her parents became \_\_\_\_\_\_\_

**A**. the angriest **B.** the most angry

**C**. the more angry **D**. angrier and angrier

**32**. People should eat\_\_\_\_\_\_\_ and do\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ to reduce the risk of heart disease.

**A**. less fat/ more exercise **B**. less and less fat/ the more exercise

**C**. the less fat/ the more exercise **D**. fatter/ more exercise

**33.** He spent a year in India and loves spicy food\_\_\_\_\_\_ the food is, \_\_\_\_\_\_\_he likes it.

**A**. The hotter/ the more and more **B**. The hotter/the more

**C**. The more and more hot/ the more **D**. The hottest/ the most

**34**. Of course you can come to the party\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**A.** The more the merrier **B**. The more and the merrier

**C**. The more and merrier **D**. The more and more merrier

**35**. I feel\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ I did yesterday.

**A**. much more tired than **B**. many more tired than

**C**. as many tired as **D**. as more tired as

**36**. She is\_\_\_\_\_\_\_ a spectator.

**A**. more an athlete than **B**. more of an athlete than

**C**. an athlete more than **D**. an athlete of more than

**37**. His house is\_\_\_\_\_\_\_\_\_ mine.

**A**. twice as big as **B**. as twice big as

**C**. as two times big as **D**. as big as twice

**38**. \_\_\_\_\_\_\_live in Ho Chi Minh City than in the whole of the rest of the country.

**A**. As much as people **B**. More people

**C**. As many as people **D.** People more

**39**. It gets............... to understand what the professor has explained.

**A**. the more difficult **B**. more difficult than

**C**. difficult more and more **D**. more and more difficult

**40**. You must drive more slowly in built up areas\_\_\_\_\_\_ you drive in the city, it is\_\_\_\_\_\_ that you will have an accident.

**A**. The faster and faster/ the more

**B**. The faster/ the more probable

**C**. The more and more fast/ the more and more probable

**D.** The more fastly/ the probable

**41.** The party was\_\_\_\_\_\_\_ I had expected.

**A.** more a hundred times funny than **B**. a hundred times funny more than

**C**. a hundred times funnier than **D**. a hundred times more funny than

**42**. He finds physics\_\_\_\_\_\_\_\_ other science subjects.

**A.** far more difficult than **B**. many more difficult than

**C**. too much more difficult than **D**. more much difficult than

**43**. \_\_\_\_\_\_\_\_he drank,\_\_\_\_\_\_\_\_ he became.

A. More/ more violent **C**. The more/ the more violent

B. The most/ the most violent **D**. The less/ less violent

**44**. Mary was\_\_\_\_\_\_\_ of the two sisters.

**A**. the clever **B**. as clever as **C**. the cleverer **D**. the cleverest

**45**. French is a\_\_\_\_\_\_\_ language to learn than English is.

**A.** difficult **B**. more difficult

**C**. most difficult **D**. more and more difficult

**46**. The cuisine of France is\_\_\_\_\_\_\_\_

**A**. more famous than that of England **B**. famous than the cuisine of England

**C**. more famous than which of England **D**. as famous than that of England

**47.** Earning money has always been the thing that pleases him most\_\_\_\_\_ he becomes,\_\_\_\_\_\_\_ he is.

**A**. The more rich/ the more happy **B**. The richest/ the happiest

**C**. The richer/ the happier  **D**. Richer and richer/ happier and happier

**48.** The faster we finish\_\_\_\_\_\_\_\_

**A**. the sooner we can leave **B.** we can leave sooner and sooner

**C**. the sooner can we leave **D.** we can leave the sooner

**49**. Of all athletes, Alex is\_\_\_\_\_\_\_

**A**. the less qualified **B**. the less and less qualified

**C**. the more and more qualified **D**. the least qualified

**50.** The climber was seventy miles in the wrong direction and got\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**A**. more panicked **B**. the more panicked

**C**. more than panicked **D**. more and more panicked

### LỊCH SỬ

### BÀI 3: QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN CỦA PHONG TRÀO GIẢI PHÓNG DÂN TỘC VÀ SỰ TAN RÃ CỦA HỆ THỐNG THUỘC ĐỊA

### I. GIAI ĐOẠN TỪ NĂM 1945 ĐẾN GIỮA NHỮNG NĂM 60 CỦA THẾ KỈ XX

- Nhân dân nhiều nước Đông Nam Á khởi nghĩa giành chính quyền và tuyên bố độc lập như: : In-đô-nê-xi-a, Việt Nam, Lào.

- Phong trào đấu tranh nhanh chóng lan sang các nước Nam Á và Bắc Phi, nhiều nước nổi dậy giành độc lập như: Ấn Độ (1946 – 1950), Ai Cập (1952), An-giê-ri (1954 – 1962),…

- Năm 1960, 17 nước châu Phi tuyên bố độc lập.

- Ngày 1 – 1 – 1959, các mạng Cu-ba thắng lợi.

=> Những năm 60 của thế kỉ XX, hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc về cơ bản bị sụp đổ.

### II. GIAI ĐOẠN TỪ NHỮNG NĂM 60 ĐẾN GIỮA NHỮNG NĂM 70 CỦA THẾ KỈ XX

- Phong trào đấu tranh lật đổ ách thống trị của thực dân Bồ Đào Nha giành độc lập ở ba nước: Ghi-nê-Bit-xao (9/1974), Mô-dăm-bích (6/1975) và Ăng-gô-la (11/1975)

=> Là thắng lợi quan trọng của phong trào giải phóng dân tộc ở châu Phi.

### III. GIAI ĐOẠN TỪ NHỮNG NĂM 70 ĐẾN GIỮA NHỮNG NĂM 90 CỦA THẾ KỈ XX

### - Cuộc đấu tranh xóa bỏ chế độ phân biệt chủng tộc (A-pac-thai) ở 3 nước miền Nam Châu Phi: Rô-đê-di-a, Tây Nam Phi và Cộng hoà Nam Phi.

- Sau nhiều năm đấu tranh ngoan cường của người da đen, chế độ phân biệt chủng tộc đã bị xóa bỏ. Chính quyền của người da đen được thành lập.

-> Hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc bị sụp đổ hoàn toàn. Nhân dân củng cố độc lập, xây dựng và phát triển đất nước.

**CÂU HỎI ÔN**

1/ Tại sao gọi năm 1960 là “năm châu Phi”?

2/Mốc thời gian nào kết thúc hoàn toàn sự sụp đổ của hệ thống thuộc địa của của chủ nghĩa đế quốc? Liên hệ Việt Nam.

**ĐỊA LÝ**

**Bài 8: SỰ PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN BỐ NÔNG NGHIỆP**

**I. Ngành trồng trọt**

- Cơ cấu đa dạng: cây lương thực, cây công nghiệp, cây ăn quả, rau đậu và cây khác.

- Có sự chuyển dịch theo hướng: Cây lương thực, cây ăn quả, rau đậu và cây khác giảm, cây công nghiệp có xu hướng tăng.

**1. Cây lương thực**

- Gồm: cây lúa và hoa màu (ngô, khoai, sắn…), trong đó lúa là cây lương thực chính.

- Năm 2002, diện tích trồng lúa là 7504 nghìn ha, năm 2019, diện tích trồng lúa là 1584,6 nghìn ha, sản lượng: 43,4 triệu tấn, năng suất: 50,1 tạ/ha, bình quân đầu người 525kg/người.

- Nước ta có hai vùng trọng điểm lúa lớn nhất là đồng bằng sông Cửu Long và đồng bằng sông Hồng

**2. Cây công nghiệp**

- Cơ cấu:

+ Cây hàng năm: lạc, đậu tương, mía, bông…

+ Cây lâu năm: cao su, cà phê, hồ tiêu, điều…

- Các vùng chuyên canh cây công nghiệp lớn nhất là Đông Nam Bộ và Tây Nguyên.

**3. Cây ăn quả**

- Cơ cấu: phong phú, đa dạng với nhiều chủng loại: Cam, nhãn, xoài, măng cụt…

- Thành tựu: ngày càng phát triển mạnh, nhiều loại cây có giá trị cao, đáp ứng nhu cầu thị trường trong nước và xuất khẩu.

- Vùng trồng cây ăn quả lớn nhất là đồng bằng sông Cửu Long và Đông Nam Bộ.

**II. Ngành chăn nuôi**

Chiếm tỉ trọng nhỏ hơn trồng trọt, chăn nuôi theo hình thức công nghiệp đang được mở rộng

1/ **Chăn nuôi trâu bò**

* Trâu: 3 triệu con. Phân bố Trung du miền núi BB
* Bò: > 4 triệu con. Phân bố Duyên hải NTB, BTB

2/ **Chăn nuôi lợn: đàn lợn**  23 triệu con chủ yếu ờ ĐB SH, ĐB SCL

3/ **Chăn nuôi gia cầm:** 230 triệu con chủ yếu ờ ĐB SH, ĐB SCL

Câu hỏi

1/ Dựa vào bảng 8.1 hãy nhận xét về sự thay đổi tỉ trọng cây lương thực và cây công nghiệp trong cơ cấu giá trị sản xuất ngành trồng trọt. Sự thay đổi này nói lên điều gì?

2/ Làm bài tập 2 /33 SGK

----------------------------------------------

Tuần: 5; Tiết PPCT: 9

**Bài 9: SỰ PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN BỐ LÂM NGHIỆP, THỦY SẢN**

**I. Lâm nghiệp**

**1. Tài nguyên rừng**

- Tài nguyên rừng đang bị cạn kiệt. Năm 2000 diện tích đất lâm nghiệp có rừng là 11,6 triệu ha, độ che phủ cả nước là 35%.

- Cơ cấu rừng: rừng sản xuất (40% năm 2000), rừng phòng hộ, rừng đặc dụng.

+ Rừng sản xuất: cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp, cho dân dụng và cho xuất khẩu.

+ Rừng phòng hộ: phòng chống thiên tai, bảo vệ môi trường.

+ Rừng đặc dụng: bảo vệ sinh thái, bảo vệ các giống loài quý hiếm...

**2. Sự phát triển và phân bố ngành lâm nghiệp**

\* Ngành khai thác gỗ và lâm sản

- Khai thác khoảng hơn 2,5 triệu mét khối gỗ/năm

- Công nghiệp chế biến gỗ và lâm sản phát triển gắn với các vùng nguyên liệu (chủ yếu ở miền núi và trung du)

\* Trồng và bảo vệ rừng: Tăng độ che phủ, phát triển mô hình nông lâm kết hợp

\* Phân bố:

- Rừng phòng hộ: núi cao, ven biển.

- Rừng sản xuất: núi thấp, trung du.

- Rừng đặc dụng: môi trường tiêu biểu cho các hệ sinh thái.

**II. Ngành thủy sản**

**1. Nguồn lợi thủy sản**

- Thuận lợi:

+ Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên khá thuận lợi: bờ biển dài 3260 km, biển ấm, ven biển có nhiều bãi triều, vũng, vịnh, đầm phá, vùng biển rộng, mạng lưới sông ngòi dày đặc 🡪 Có thể phát triển ngành khai thác và nuôi trồng thủy sản ở cả môi trường nước mặn, nước lợ, nước ngọt.

+ Có 4 ngư trường trọng điểm: Cà Mau – Kiên Giang, Ninh Thuận – Bình Thuận – Bà Rịa – Vũng Tàu, Hải Phòng – Quảng Ninh và ngư trường quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

- Khó khăn: Biển động do bão, gió mùa đông bắc, môi trường suy thoái và nguồn lợi bị suy giảm, thiếu vốn đầu tư…

**2. Sự phát triển và phân bố ngành thủy sản**

- Khai thác hải sản: sản lượng tăng khá nhanh. Các tỉnh dẫn đầu: Kiên Giang, Cà Mau, Bà Rịa - Vũng Tàu và Bình Thuận.

- Nuôi trồng: phát triển nhanh, đặc biệt nuôi tôm, cá. Các tỉnh có sản lượng nuôi trồng lớn nhất là: Cà Mau, An Giang và Bến Tre

- Xuất khẩu thuỷ sản: có bước phát triển vượt bậc (đứng thứ ba sau dầu khí và may mặc).

**Bài tập :** Làm bài tập 3/37 SGK biểu đồ đường đổi thành biểu đồ cột

**CÔNG NGHỆ**

**BÀI 4: SỬ DỤNG ĐỒNG HỒ ĐO ĐIỆN (Tiếp theo)**

1. **Lý thuyết & Nội dung bài học**

Nguyên tắc chung khi đo điện trở bằng đồng hồ vạn năng:

- Chỉnh chỉnh núm chỉnh 0.

- Khi đo không được chạm tay vào đầu kim đo hoặc các phần tử đo vì điện trở người gây sai số đo.

- Khi đo phải bắt đầu từ thang đo lớn nhất và giảm dần khi nhận được kết quả thích hợp để trách kim bị va đập mạnh.

1. **BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM**

**Câu 1: Nội dung cần thực hiện trong bài là:**

A. Tìm hiểu đồng hồ đo điện

B. Thực hành sử dụng đồng hồ đo điện

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

**Câu 2: Tên đồng hồ đo điện là:**

A. Ampe kế

B. Vôn kế

C. Ôm kế

D. Cả 3 đáp án trên

**Câu 3: Đo điện năng tiêu thụ của mạch điện bằng công tơ điện thực hiện theo mấy bước?**

A. 3

B. 4

C. 2

D. 5

**Câu 4: Các bước đo điện năng tiêu thụ của mạch điện bằng công tơ điện là:**

A. Đọc và giải thích kí hiệu ghi trên mặt công tơ điện

B. Nối mạch điện thực hành

C. Đo điện năng tiêu thụ của mạch điện

D. Cả 3 đáp án trên

**Câu 5: Có mấy nguyên tắc cần lưu ý khi đo điện trở bằng đồng hồ vạn năng?**

A. 2

B. 3

C. 4

D. 5

**Câu 6: Khi đo điện trở bằng đồng hồ vạn năng phải bắt đầu từ thang đo:**

A. Lớn nhất

B. Nhỏ nhất

C. Bất kì

D. Đáp án khác

**Câu 7: Chập hai đầu que đo, hiệu chỉnh về 0 thực hiện:**

A. Thỉnh thoảng

B. Ở mỗi lần đo

C. 2 lần đo thực hiện 1 lần

D. Đáp án khác

**Câu 8: Đồng hồ vạn năng thực hiện chức năng của:**

A. Ampe kế

B. Vôn kế

C. Ôm kế

D. Cả 3 đáp án trên

**Câu 9: Nguyên tắc khi đo điện trở bằng đồng hồ vạn năng là:**

A. Điều chỉnh núm chỉnh 0

B. Không chạm tay vào đầu kim đo hoặc phần tử đo

C. Bắt đầu từ thang đo lớn nhất và giảm dần

D. Cả 3 đáp án trên

**Câu 10: Đồng hồ vạn năng đo:**

A. Dòng điện

B. Điện áp

C. Điện trở

D. Cả 3 đáp án trên

**GDCD**

**Bài 4. BẢO VỆ HOÀ BÌNH**

1.Khái niệm:

a. Hòa bình

- Là trạng thái không có chiến tranh hay xung đột vũ trang.

- Là mối quan hệ hiểu biết, tôn trọng, bình đẳng và hợp tác giữa các quốc gia, dân tộc, giữa con người với con người

- Là khát vọng của toàn nhân loại

b. Bảo vệ hòa bình :

- Là giữ gìn cuộc sống xã hội bình yên

- Dùng thương lượng để giải quyết mâu thuẫn, xung đột

- Không để xảy ra chiến tranh

2.Chúng ta vẫn cần phải bảo vệ hòa bình vì:

- Ngày nay nhiều khu vực trên thế giới vẫn đang xảy ra chiến tranh, xung đột vũ trang

- Ngòi nổ chiến tranh vẫn đang âm ỉ ở nhiều nơi

3. Trách nhiệm công dân, học sinh:

- Xây dựng quan hệ tôn trọng, bình đẳng, thân thiện giữa con người với con người

- Thiết lập quan hệ hiểu biết, hữ nghị, hợp tác giữa các quốc gia dân tộc trên thế giới

- Dân tộc Việt Nam đã, đang và sẽ tích cực tham gia đấu tranh vì hòa bình và công lí trên thế giới

**\* Bài tập**

Hùng là 1 hs cao to trong lớp . Cậu ta hay tổ chức nhóm bạn gây gổ với lớp khác . Có hôm Hùng đánh 1 bạn bị chảy máu mũi, thầy hiệu trưởng phải gọi Hùng lên văn phòng làm bản kiểm điểm, các thầy cô giáo rất lấy làm phiền lòng, còn các bạn thì dần xa lánh Hùng .

? Em hãy nêu nhận xét của mình về Hùng ?

**Hs làm bài tập 1,2,3,4SGk**

**THỂ DỤC**

**CHỦ ĐỀ: Bài Thể dục phát triển chung.**

**Tiết PPCT 7:**

- Ôn:

+ Nữ: Động tác từ nhịp 1 đến 39.

+ Nam: Động tác từ nhịp 1 đến 40.

- Học:

**+** Nữ: Động tác từ nhịp 40 đến 45.

+ Nam: Động tác từ nhịp 41 đến 45.

**Tiết PPCT 8:**

Hoàn thiện bài TDPTC 45 nhịp (Nữ, Nam).